TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **188**/2017/DS-PT
Ngày: 29/9/2017.
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Minh Trang**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hường**

Ông **Võ Kế Nghiệp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Nhung –** Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân: Ông **Chiêm Văn Hùng** - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong ngày 06/ 9/2017 và ngày 29/9/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2017/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc ***"Tranh chấp đòi tài sản"***.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2017/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa ra vụ án xét xử số: 169/2017/QĐ-PT, ngày 25 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Võ Thu T**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Ấp A.P, xã N.D, huyện K.H, tỉnh K.G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Dương Thùy L - Văn phòng Luật sư Bùi Điệp và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Th. A**, sinh năm: 1984.

Địa chỉ: Ấp 5 B, xã N.T, huyện A.B, tỉnh K.G.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đoàn Công Thiện - Văn phòng Luật Đoàn Công Thiện, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Hữu Th, sinh năm: 1956.

Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp 5 B, xã N.T, huyện A.B, tỉnh K.G.

- *Người kháng cáo:* Anh **Nguyễn Th. A –** Bị đơn.

(Luật sư và các đương sự đều có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Võ Thu T trình bày: Vào khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2016 chị T và anh A có mối quan hệ tình cảm với nhau do chị T đã ly hôn chồng và anh An sống độc thân, nên trong quá trình đó chị T đã cho anh A mượn số tiền cụ thể như sau: Tiền cho anh A mượn mua điện thoại di động 03 lần tổng cộng: 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng), chị T và anh A trực tiếp đi mua tại cửa hàng điện thoại Gia Khương tại thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, chị T là người trực tiếp trả tiền; Tiền mua chiếc xe Exciter trị giá 42.000.000đ vào năm 2013 do anh A trực tiếp đứng tên; Tiền cho anh A mượn đi học lớp y sĩ tại Cần Thơ từ năm 2013 đến năm 2014 tổng cộng là 128.000.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu đồng); Tiền chuyển qua tài khoản Ngân hàng Vietcombank của anh A là 111.600.000đ (Một trăm mười một triệu sáu trăm nghìn đồng). Như vậy tổng cộng anh A còn nợ chị T số tiền 333.600.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Vào ngày 15/6/2017 chị T có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 185.000.000đ, lý do là vì số tiền này chị T đưa qua tay anh A nhưng anh A không thừa nhận nên chị không có cở sở chứng minh, nên chỉ yêu cầu anh A trả số tiền 148.600.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị đơn anh Nguyễn Th. A trình bày: Anh A không thừa nhận là có nợ chị T số tiền 333.600.000đ (Ba trăm ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng), anh thừa nhận là anh có nhận tiền từ chị T chuyển vào tài khoản anh với số tiền 148.600.000đ (Một trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm nghìn đồng) để nhờ anh mua thuốc và mua xe dùm chị T. Còn đối với số tiền 185.000.000đ (Một trăm tám mươi lăm triệu đồng) chị T cho rằng cho anh mượn để đóng học phí khi đi học lớp y sỹ ở Cần Thơ, mua xe, điện thoại thì anh không đồng ý vì anh không có mượn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 23/6/2017, Tòa án nhân dân huyện An Biên đã áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 357 Bộ luật dân sự quyết định:

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu T với số tiền là 185.000.000 đồng.

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện còn lại của chị Võ Thu T. Buộc anh Nguyễn Th A phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền là 148.600.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, anh Nguyễn Th. A kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu T về việc buộc anh A phải trả số tiền vay là 148.600.000 đồng.

Ngày 29/8/2017 và tại phiên tòa, anh A thay đổi nội dung kháng cáo: Anh thừa nhận có nhận của chị T số tiền 148.600.000 đồng nhưng yêu cầu được khấu trừ số tiền 49.000.000 đồng và số tiền 20.000.000 đồng mà anh nhờ cha anh là ông Nguyễn Hữu Th chuyển trả cho chị T qua tài khoản ngân hàng, đồng thời khấu trừ số tiền hai chiếc xe một chiếc là 24.000.000 đồng, một chiếc là 24.500.000 đồng và khấu trừ số tiền đã trả chị T 4.000.000 đồng thông qua Ngân hàng. Tổng cộng anh đề nghị khấu trừ là 121.500.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền còn nợ là 27.100.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh A phải trả số tiền còn nợ là 148.600.000 đồng nhưng chấp nhận khấu trừ số tiền 49.000.000 đồng. Còn đối với số tiền 20.000.000 đồng, chị cho rằng đó là tiền ông Th nợ riêng chị nên chuyển trả cho chị chứ không phải khoản tiền ông Th trả thay anh An 20.000.000 đồng, do đó không đồng ý khấu trừ số tiền này. Đối với giá trị 2 chiếc xe mà ông Th trả cho chị cũng không liên quan đến số nợ của anh A, nên chị cũng không đồng ý khấu trừ. Còn đối với số tiền 4.000.000 đồng chị thừa nhận có nhận từ anh A chuyển qua Ngân hàng trả chị nhưng cho rằng đó là tiền anh A trả cho chị từ việc chị mua 3 chiếc điện thoại cho anh A, chứ không nằm trong khoản nợ 148.600.000 đồng nên không đồng ý khấu trừ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Th thừa nhận có mượn của chị T số tiền 20.000.000 đồng, tuy nhiên số tiền 20.000.000 đồng mà ông chuyển cho chị T là tiền ông trả thay cho anh A và yêu cầu được khấu trừ vào số nợ của anh A, chứ không trả cho khoản nợ riêng của ông. Ông không yêu cầu anh A trả lại cho ông số tiền này.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình trình bày: Đối với yêu cầu khấu trừ giá trị hai chiếc xe mô tô, anh A không có chứng cứ xác định anh A là người chủ sở hữu xe, mà 2 chiếc xe này do chị T bỏ tiền ra mua từ năm 2012 nên yêu cầu ông Th có nghĩa vụ giao trả lại cho chị T, không liên quan số tiền anh A đã nhận của chị T 148.600.000 đồng từ năm 2014-2016, nên không đồng ý khấu trừ.

Đối với số nợ 20 triệu đồng, theo ghi âm điện thoại giữa chị T và ông Th thì ông Th đã thừa nhận có trả chị T 20 triệu đồng và tại phiên tòa ông Th đã thừa nhận có mượn tiền chị T mua xe nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không khấu trừ số tiền này vì là nợ riêng của ông Th trả riêng cho chị T. Đối với số tiền 4.000.000 đồng anh A chuyển trả qua Ngân hàng theo chị T trình bày là nợ riêng từ việc chị mua 3 chiếc điện thoại cho anh An nên không đồng ý khấu trừ. Còn đối với số tiền 49 triệu đồng thì chị T chấp nhận khấu trừ do anh A cung cấp được phiếu chuyển tiền. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh An phải trả cho chị T số tiền còn nợ là 99.600.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình trình bày: Tại phiên tòa hôm nay, anh A cung cấp được phiếu trả tiền ngày 13/11/2015 do Bưu cục Hòn Ngang huyện Kiên Hải chi trả cho chị T và xác nhận người gửi là anh Nguyễn Th A nên anh A yêu cầu cấn trừ số tiền này vào số nợ 148. 600.000 đồng là có căn cứ. Đối với 2 chiếc xe mô tô: một chiếc trị giá 24.000.000 đồng và một chiếc trị giá 24.500.000 đồng, anh A đã đem giao trả cho chị T nên yêu cầu cũng được khấu trừ vào số nợ. Còn đối với số tiền 20 triệu đồng ông Th khai là trả thay cho anh A chứ không trả cho nợ riêng của ông Th nên cũng cần được khấu trừ vào số nợ của anh A, còn số tiền ông Th còn nợ riêng chị T thì sau này chị T có thể khởi kiện thành vụ kiện khác đối với ông Thanh. Ngoài ra, anh A còn khai là đã giao trả cho chị T 4.000.000 đồng chuyển qua ngân hàng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận tất cả yêu cầu kháng cáo của anh A.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đối với chị T tại phiên tòa sơ thẩm không thừa nhận tất cả các yêu cầu của anh A, nhưng tại phiên phúc thẩm anh A đã cung cấp 01 phiếu trả tiền ngày 13/11/2015 do Bưu cục Hòn Ngang, huyện Kiên Hải chi trả cho chị T và xác nhận người gửi là anh Nguyễn Th A nên chị T đồng ý khấu trừ số tiền 49.000.000 đồng này vào số tiền 148.600.000 đồng còn nợ chị T, nên kháng cáo của anh A về phần này là có căn cứ chấp nhận và cần chấp nhận kháng cáo của anh A yêu cầu chị T trừ 4.000.000 đồng mà chị T đã nhận của anh A. Đối với số tiền 20 triệu đồng ông Th thừa nhận có nợ chị T nhưng lại trả thay anh A 20 triệu đồng mà không có sự đồng ý của chị T nên không có căn cứ chấp nhận việc cấn trừ số tiền này vào số tiền còn nợ chị T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp

nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Th A, sửa bản án sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 23/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo hướng: Tính lại số tiền buộc bị đơn anh Nguyễn Th A phải trả cho chị Võ Thu T là 148.600.000 đồng – 53.000.000 đồng = 95.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ tranh chấp:

Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp đối với vụ án này là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản là không đúng, cần phải xác định đây là quan hệ tranh chấp quyền sở hữu tài sản mà cụ thể là chị T đòi lại tài sản đã giao anh A. Do cấp sơ thẩm xác định không đúng quan hệ pháp luật nên dẫn đến việc áp dụng sai căn cứ pháp luật, đồng thời cấp sơ thẩm áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 cũng không chính xác. Đối với vụ án này phải áp dụng Điều 255, 256 BLDS năm 2005 để giải quyết mới đúng do toàn bộ giao dịch giữa chị T và anh A đã kết thúc vào năm 2015 nên phải áp dụng Điều 688 BLDS năm 2015 về điều khoản chuyển tiếp để giải quyết.

[2]. Xét kháng cáo của anh Nguyễn Th A, Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên toà anh A thừa nhận có nhận của chị T số tiền 148.600.000 đồng và đồng ý trả cho chị T nhưng anh yêu cầu phải khấu trừ số tiền 49.000.000 đồng mà anh đã chuyển trả cho chị T vào ngày 13/11/2015 do Bưu cục Hòn Ngang, huyện Kiên Hải xác nhận và khấu trừ số tiền 4.000.000 đồng anh chuyển trả chị T vào ngày 18/10/2016 thông qua Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T thừa nhận có nhận số tiền 49.000.000 dồng và 4.000.000 anh A chuyển trả và đồng ý khấu trừ số tiền 49.000.000 đồng vào số tiền 148.600.000 đồng nhưng không đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng đã nhận của anh A vì cho rằng anh An trả tiền đối với 3 chiếc điện thoại chị mua cho anh A trước đây. Hội đồng xét xử xét thấy, khoản tiền 4.000.000 đồng được anh A chuyển trả cho chị T vào tháng 10/2016 cùng với thời điểm anh A đã nhận tiền của chị từ năm 2014 đến 2016, chị T cũng không có căn cứ chứng minh đã cho anh A mượn tiền mua điện thoại. Nên có cơ sở chứng minh anh A đã trả cho chị 4.000.000 đồng trong tổng số tiền đã nhận 148.000.000 đồng. Đối với kháng cáo của anh A về phần này, anh A cho rằng tại phiên tòa sơ thẩm, anh có trình bày các chứng cứ nêu trên, tuy nhiên do cấp sơ thẩm không xem xét nên có thiếu sót. Do đó, cấp phúc thẩm cần thiết sửa bản án sơ thẩm về phần này, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh A khấu trừ số tiền

anh A đã trả 49.000.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng trong số tiền còn nợ chị T 148.600.000 đồng.

[3]. Đối với số tiền ông Th chuyển 20 triệu đồng cho chị T, tại phiên tòa phúc thẩm ông Th thừa nhận có mượn chị T số tiền 20 triệu đồng để mua xe. Chị T xác nhận ông Th có chuyển trả cho chị 20.000.000 đồng, tuy nhiên ông Th và anh A cho rằng số tiền mà ông Th chuyển trả cho chị T là trả thay phần tiền nợ của anh A chứ không phải trả cho số nợ của ông Th. Hội đồng xét xử xét thấy, việc ông Th trả nợ thay cho anh A phải có sự đồng ý của chị T về việc chuyển giao nghĩa vụ nhưng chị T không đồng ý việc ông Th trả thay cho anh A và thực tế ông Th có nợ riêng chị T số tiền 20.000.000 đồng. Do đó, số tiền 20.000.000 đồng ông Th trả cho chị T là trả cho nợ riêng ông Th. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh A về việc khấu trừ số tiền 20.0000.000 đồng.

[4]. Đối với kháng cáo của anh A yêu cầu được khấu trừ giá trị 2 chiếc xe môtô: một chiếc trị giá 24.000.000 đồng và một chiếc trị giá 24.500.000 đồng vào số nợ 148.600.000 đồng. Tuy nhiên, 2 chiếc xe này được chị T mua từ năm 2012, xe do ông Th sử dụng và giữa chị T với ông Th đã thỏa thuận, không có tranh chấp. Trong khi giao dịch chuyển tiền giữa chị T và anh An phát sinh từ năm 2014 – 2016 không liên quan đến số tiền mua 2 chiếc xe nói trên. Do đó, kháng cáo của anh A về phần này cũng không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của anh A, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, sửa bản án sơ thẩm. Buộc Anh A trả cho chị T số tiền 95.600.000 đồng.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo của anh A được chấp nhận nên án phí cũng được tính lại.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh A phải chịu 5% án phí đối với số tiền phải trả cho chị T 95.600.000 đồng là 4.780.000 đồng.

Chị T phải chịu 5% án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận 53.000.000 đồng là 2.650.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh A không phải chịu. Hoàn lại anh A số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308, Điều 309, Điều 147 và Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng: Điều 255, 256 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, khoản 2 Điều 468 và Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Th An.

- Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu T đối với số tiền 185.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thu T về việc đòi tài sản đối với anh Nguyễn Th A.

Buộc bị đơn anh Nguyễn Th A phải trả cho nguyên đơn chị Võ Thu T số tiền 95.600.000 đồng (chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày chị Võ Thu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Th A chưa trả hoặc trả không đủ số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh A còn phải trả cho chị T thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Võ Thu T phải chịu án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận là 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 8.415.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004126 ngày 11/4/2017 của Chị cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Hoàn lại chị T số tiền 5.765.000 đồng (Năm triệu bảy trăm sáu mươi lăm ngàn đồng).

- Bị đơn anh Nguyễn Th A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.780.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm tám mươi ngàn đồng). Án phí dân sự phúc thẩm anh Nguyễn Th A không phải chịu.

Do đó, số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà anh A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006908 ngày 12/7/2017 (do anh Nguyễn Hữu Th nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí mà anh A có nghĩa vụ nộp 4.780.000 đồng. Như vậy, số tiền án phí còn

lại anh A có nghĩa vụ nộp là 4.480.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện An Biên;
- Chi cục THA dân sự huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Ngô Thị Minh Trang